

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 07 - 2022.

V/v ly hôn giữa chị D và anh C

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Biền.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Khang, bà Dương Thị Vui.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST- HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy D; sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm 6, xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C; sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 6, xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh C.

**NỘI D V U ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D thể hiện: Chị và anh Phạm Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2017 đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C đã vi phạm pháp luật nhiều lần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C. Về con chung giữa chị và anh C có 01 (một) con chung là cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày

06/02/2018. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn chị Trần Thị Thùy D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc và không yêu cầu anh Phạm Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị D nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn C nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị D đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng tính cách. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 06/02/2018 và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Phạm Văn C. Giao con chung là cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 06/02/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị D theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị Thùy D có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn C và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng anh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Phạm Văn C vào ngày 30/11/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Điền là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Anh C vi phạm pháp luật dẫn tới bị xử phạt tù giam. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy việc ly hôn giữa chị D và anh C là thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có một con chung là cháu Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 06/02/2018. Hiện nay chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy từ sau khi anh C, chị D sống ly thân thì việc nuôi dưỡng con chung của chị D đảm bảo sự phát triển tốt cho cháu Ngọc. Chị D hiện là công nhân, có thu nhập thường xuyên, ổn định và nơi cư trú rõ ràng. Xét nguyện vọng của chị D đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thùy D và anh Phạm Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Phạm Văn C.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Bảo Ngọc, sinh ngày 06/02/2018 (hiện nay cháu Ngọc đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0000722 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Nam Điền;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**(Đã ký)**

**Bùi Văn Biên**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Vui      Vũ Đức Khang**

**Bùi Văn Biên**